

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/DS-PT
Ngày: 11/10/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Cảnh.

2. Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trương Thị T1, sinh năm 1939.

- Bà Trương Thị T2, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Trương Thị B, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ chi nhánh: Số 6, Đường 30/4, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An

- Ông Trương Lâm Quốc D, sinh năm 1987.
- Ông Trương Lâm Quốc T, sinh năm 1989.
- Ông Trương Lâm Đăng K, sinh năm 1992.
- Ông Trương Thái P2, sinh năm 1974.
- Ông Trương Thái P1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, Long An.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lâm Thị L: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: 1/55B đường Võ T, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lâm Thị L.

(bà Lâm Thị L, ông Trương Lâm Quốc D, Trương Lâm Quốc T, Trương Lâm Đăng K, ông Trương Thái P1 có mặt; đại diện Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ông Trương Thái P2 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trương Thị T1 và Trương Thị T2 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, bà Trương Thị T1 trình bày:*

Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là 204m² thuộc một phần thửa 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh. Trên đất có căn nhà sàn cấp 4 của bà T1 xây cất năm 1989, và nhà tạm để xe của ông Trương Thái P2 (ông P1 mượn đất của bà T1). Nguồn gốc đất bà T1 mua của ông Nguyễn Văn Sang vào năm 1988 (có làm giấy mua bán viết tay), khi mua không đo đạc, phần đất này có một cạnh tiếp giáp với rạch, một cạnh tiếp giáp đường lộ, phần còn lại tiếp giáp với đất của Ông C (cha bà T1) được cấp vào thửa đất số 81 do Ông C đứng tên, vì giữa bà T1 và Ông C là cha con nên bà T1 vẫn để cho Ông C đứng tên.

Vào khoảng năm 2007 - 2008 thì cháu nội của Ông C là Trương Hữu T và con Ông C là bà Trương Thị Hai khởi kiện chia di sản thừa kế của Ông C trong đó có thửa số 81 nêu trên, khi giải quyết tranh chấp thì các bên thống nhất phần đất này của bà T1 khi đó đo đạc được diện tích 360m², không thuộc di sản thừa kế, nhưng sau khi có bản án thì phần đất này vẫn được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông R thửa số 81. Năm 2018 Ông R chết, thửa đất số 81 thừa kế cho bà Lâm Thị L, ngày 22/10/2018 thì Bà L và các con của Bà L có ký cam kết tách đất ra cho bà T1 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Bà Trương Thị T1 yêu cầu Bà L trả lại quyền sử dụng đất diện tích 204m² (theo mảnh trích đo địa chính) thuộc một phần thửa 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh theo cam kết ký ngày 22/10/2018.

Bà T1 rút lại yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/14379263/HĐBĐ ký ngày 14/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà Lâm Thị L đối với phần diện tích đất mà các

bên đang tranh chấp ($204m^2 + 170m^2$) thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã T, thị xã K. Vì hiện nay Bà L đã thanh toán nợ cho ngân hàng và đã xóa thế chấp.

Về phần đất bà T1 cho ông P1 mượn làm nhà để xe, có làm giấy tay, ông P1 có đồ đất nâng nền. Khi cho mượn có thỏa thuận khi nào lấy lại đất thì hoàn trả chi phí đồ đất, tuy nhiên trong vụ án này bà T1 không có ý kiến yêu cầu gì, giữa bà T1 và ông P1 tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra căn nhà của bà T1 hiện đang cho ông Trương Thái P1 thuê, trong vụ án này bà không có yêu cầu tranh chấp liên quan đến việc thuê nhà với ông Phong.

** Nguyên đơn, bà Trương Thị T2 trình bày:*

Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là $201m^2$, thuộc một phần thửa đất số 80, thửa số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại Ấp B, xã T, thị xã K có hiện trạng là căn nhà cấp 4 của bà T2 đang ở do bà T2 cất năm 2009. Trước năm 2009 bà ở chung với vợ chồng bà Lâm Thị L và ông Trương Văn R. Nguồn gốc đất là của ông Trương Văn C cho bà T2 vào khoảng năm 2003 (Ông C là cha của bà T2, bà T1, Ông R), có tờ di chúc có dấu lặn tay của Ông C, hiện nay chỉ còn bản pho to còn bản chính đã bị thất lạc. Sau khi Ông C chết, khoảng năm 2007 - 2008 thì cháu nội của Ông C là Trương Hữu T và con gái Ông C là bà Trương Thị Hai khởi kiện chia di sản thừa kế của Ông C trong đó có thửa số 81, khi chia thừa kế thì không ai biết có tờ di chúc năm 2003 của Ông C, từ đó đến nay cũng không ai có yêu cầu kháng nghị xem xét lại bản án thừa kế, người làm chứng trong tờ di chúc đều đã chết. Trong vụ án chia thừa kế trước đây giữa bà T2 và vợ chồng Ông R thỏa thuận miệng về việc bà không yêu cầu được nhận thừa kế mà để lại phần của mình cho Ông R rồi anh chị em về nhà tự chia đất, việc này thỏa thuận miệng nên không có chứng cứ cung cấp. Theo bản án chia thừa kế thì ông Trương Văn R (chồng Bà L) được thừa kế thửa đất số 81, sau khi có bản án thì vợ chồng Ông R không làm giấy tách đất cho bà T2 đứng tên như đã hứa. Tháng 7/2018 âm lịch Ông R chết, ngày 22/10/2018 Bà L và các con của Bà L có ký cam kết chuyển quyền sử dụng đất cho bà T2 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Ngoài ra, theo đo đạc có một phần căn nhà của bà T2 diện tích $31m^2$ nằm trên một phần số thửa đất 80, bà không rõ vì sao phần này lại được cấp vào thửa 80. Tuy nhiên phần nhà sau này bà xây cất từ khi Ông R còn sống, khi đó không ai có ý kiến gì. Hiện nay nhà không thể tách ra được, ngày 22/10/2018 Bà L và các con cũng cam kết chuyển quyền sử dụng đất cho bà theo hiện trạng toàn bộ căn nhà.

Nay bà T2 yêu cầu Bà L trả quyền sử dụng đất diện tích $201m^2$ (theo mảnh trích đo địa chính) thuộc một phần thửa 81, thửa số 80 tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh cho bà T2 theo cam kết đã ký.

Bà T2 rút lại yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/14379263/HĐBĐ ký ngày 14/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà Lâm Thị L đối với phần diện tích đất mà các bên đang tranh chấp ($204\text{m}^2 + 170\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh. Vì hiện nay Bà L đã thanh toán nợ cho ngân hàng và đã xóa thế chấp.

** Bị đơn bà Lâm Thị L trình bày:*

Thửa đất số 80, thửa số 81 tờ bản đồ số 7, đất tại xã Tuyên Thạnh do bà nhận thừa kế từ chồng là ông Trương Văn R (Ông R chết tháng 7/2018 âm lịch), hiện bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa 81 là Ông R nhận thừa kế từ ông Trương Văn C theo bản án chia thừa kế năm 2009, khi chia thừa kế thì bà T2 và bà T1 không nhận đất mà đồng ý cho Ông R, Ông R được nhận đất và phải đóng án phí. Nguồn gốc thửa số 80 là Ông R mua của người khác vào khoảng năm 2000, khi mua là mua nguyên thửa, không đo đạc. Ông R được cấp giấy chứng nhận, sau đó Ông R chết thì bà được thừa kế, khi làm thủ tục thừa kế cũng là nguyên thửa, không đo đạc. Thửa số 80 và thửa số 81 tiếp giáp với nhau. Phần tranh chấp của bà T2 có một phần thuộc thửa đất số 80.

Về phần đất tranh chấp với bà T1 thì trước đây có nguồn gốc của ông Sang, ông Sang chuyển nhượng giấy tay cho bà T1, diện tích cụ thể bao nhiêu không rõ, ngày xưa là trụ sở ấp, phần đất này tiếp giáp với thửa đất của Ông C (nay là thửa số 81) bà T1 đã cất nhà ở trên phần đất này.

Tại phần tranh chấp với bà T2 diện tích 201 m^2 có căn nhà cấp 4 của bà T2 theo bà là xây cất khoảng năm 2014 và có một phần nhà gỗ tạm của gia đình bà (dính phần vách) dựng năm 2000 nay đang sử dụng để nấu ăn, nhà tạm nên có thể tháo dỡ được.

Vào năm 2018 sau khi Ông R chết thì bà và các con có ký giấy cam kết tách đất chuyển quyền sử dụng đất cho bà T2 và bà T1 đối với phần đất 02 bà đang ở (phần mà hiện đang tranh chấp), khi đó Đăng Khoa đang đi bộ đội nên không ký tên trong giấy. Do khi đó đất đang thế chấp Ngân hàng nên không làm được, hứa khi xóa thế chấp xong sẽ làm nhưng bà T2 và bà T1 không chịu, đòi làm liền nên xảy ra tranh chấp. Hiện nay thửa số 80, thửa 81 không thế chấp ngân hàng.

Nay xảy ra xích mích nên bà không đồng ý tách đất cho bà T2, bà T1 vì nếu chuyển quyền thì các bà sẽ bán đất cho người ngoài, phần của bà T2 nếu có cất thì cất phần đất thuộc thửa số 81 chứ phần đất thuộc thửa số 80 có nguồn gốc Ông R mua của người khác nên không cất. Bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên phần đất mà bà T1 yêu cầu thì có căn nhà tạm để xe của ông Trương Thái P2. Ban đầu ông P1 có hỏi bà mượn để cất nhà tạm để xe, bà cũng đồng ý, khi đó bà T1 giành đất của bà T1 nên bà T1 đứng ra làm giấy cho ông P1 mượn,

vì là chị em nên bà không có ý kiến gì. Hiện nay ông P1 vẫn đang sử dụng để xe ô tô. Việc ông P1 thuê đất, ông Phong thuê nhà của bà T1, bà không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Lâm Đăng K trình bày:* Anh Khoa là con của Bà L và Ông R. Trước năm 2009 thì bà T2 ở với gia đình anh, đến khoảng sau năm 2010 bà T2 cất nhà cấp 4 ra ở riêng, khoảng 04 đến 05 năm sau thì có cất thêm phần nhà phía sau, nay là phần đất tranh chấp. Giấy cam kết ngày 22/10/2018 không có chữ ký của anh vì lúc đó anh đi bộ đội. Bà T2 và bà T1 là cô ruột của anh, không chồng con. Nay 02 cô tranh chấp thì anh thống nhất với ý kiến của mẹ là Bà L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Lâm Quốc trình bày:* Anh là con của Bà L và Ông R. Anh thống nhất với ý kiến của Bà L, ngoài ra không bổ sung gì thêm. Anh có ký giấy cam kết lập ngày 22/10/2018 chuyển quyền sử dụng đất cho bà T1 và bà T2. Tuy nhiên tài sản thừa đất số 81 là của Bà L chứ không phải của anh.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Lâm Quốc Trí, không có ý kiến trình bày.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trương Thái P2 trình bày:*

Năm 2019 ông được Bà L đồng ý cho mượn phần đất để cất nhà tạm để xe, hiện thuộc một phần đang tranh chấp giữa bà T1 với Bà L. Ông bắt đầu đổ đất thì bà T1 không đồng ý, bà T1 nói phần đất này của bà nên ông và bà T1 có lập giấy giao kèo mượn đất vào ngày 17/4/2019 (giấy viết tay), mục đích cất nhà tạm để xe ô tô, thỏa thuận khi nào bà T1 lấy đất thì ông trả còn bà T1 trả lại chi phí đổ đất cho ông. Các bên không có thỏa thuận về việc trả phí thuê đất. Kết cấu nhà tạm lắp ráp, mái lợp tole, cột sắt, không che chắn xung quanh. Bà L có biết và không có ý kiến gì, trong giấy giao kèo có con trai Bà L là Trương Lâm Quốc D ký người chứng kiến. Ông không có ý kiến về việc tranh chấp đất giữa những người trên. Việc thỏa thuận mượn đất do các bên tự thỏa thuận, không tranh chấp trong vụ án này. Về nguồn gốc đất tranh chấp thì ông biết từ mí nhà của bà T1 đổ ra rạch là đất bà T1 mua của ông Sang lâu rồi, ông không nhớ. Còn phần đất hiện chỗ ông đang cất nhà tạm để xe thì trước khi cha bà T1 (ông Trương Văn C) chết thì Ông C sử dụng trồng rau. Sau khi Ông C chết thì để trống, không ai sử dụng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trương Thái P1 trình bày:*

Ngày 23/9/2020, ông có ký hợp đồng thuê căn nhà của bà T1 (nhà tọa lạc trên phần đất đang tranh chấp giữa bà T1 với Bà L) tại ấp Bắc Chan 1, xã Tuyên Thạnh, thời hạn thuê 03 năm, giá thuê 400.000 đồng/tháng, trả tiền thuê hàng tháng cho bà T1. Khi thuê nhà thì ông có biết giữa các bên đang tranh chấp đất, sau khi thuê nhà ông có sửa chữa một phần mái tole và vách nhà, nhưng đây là chi phí ông tự nguyện bỏ ra. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa các bên. Về hợp đồng thuê nhà thì giữa các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam trình bày:*

Bà Lâm Thị L có vay tiền tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2020 ngày 14/9/2020, được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp bất động sản bao gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 18/6/2021 Bà L đã trả một phần nợ vay và Ngân hàng đã xuất một phần tài sản theo quy định, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 773120 số vào sổ cấp giấy CS 02410 cấp ngày 12/10/2018 cho Bà L có số thửa là thửa 81, tờ bản đồ số 7. Thửa đất số 81 hiện nay không còn thế chấp tại Ngân hàng. Do đó, không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án số 34/2022/DS-ST ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 129, Điều 457, Điều 459, Điều 500 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Lâm Thị L.

Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T1 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 đối với phần đất diện tích 204m² thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, phần đất ký hiệu tại vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2021 được Chi nhánh Văn phòng đất đai tại thị xã Kiến Tường duyệt ngày 14/01/2021. Phần đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh quản lý.

Phía Tây tiếp giáp thửa 81 (pcl).

Phía Nam tiếp giáp đường liên xã Tuyên Thạnh- Thạnh Hưng.

Phía Bắc tiếp giáp thửa 81 (pcl).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T2 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Lâm Thị L.

Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T2 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T2 đối với phần đất diện tích 201m² thuộc một phần thửa đất số 81, thửa đất số 80 tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh,

thị xã Kiến Tường, ký hiệu tại vị trí khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2021 được Chi nhánh văn phòng đất đai tại thị xã Kiến Tường duyệt ngày 14/01/2021. Phần đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 81 (pcl).

Phía Tây tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn Sĩ.

Phía Nam tiếp giáp đường liên xã Tuyên Thạnh- Thạnh Hưng

Phía Bắc tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn Sĩ.

3. Bà Trương Thị T1, Trương Thị T2, Lâm Thị L có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nếu Bà L gây khó khăn thì bà T2, bà T1 được chủ động liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để làm thủ tục sang tên, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/14379263/HĐBĐ ký ngày 14/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà Lâm Thị L đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường. Về hậu quả của việc đình chỉ: Thực hiện theo quy định Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị T2, bà Trương Thị T1 chịu 7.538.000 đồng, bà T1 và bà T2 đã nộp xong.

6. Về án phí: Bà Lâm Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị T1, Trương Thị T2 thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án.

Ngày 02/6/2022, Bà L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến:*

Các thửa đất tranh chấp, bà Lâm Thị L đã được nhận thừa kế hợp pháp từ di sản thừa kế của Ông R. Cam kết ngày 22/10/2018 của bà Lâm Thị L và các con theo quy định tại Điều 500, Điều 501, 502 không đúng nội dung và hình thức nên không có hiệu lực, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của Bà L. Bà L khai chỉ cho bà T1 và bà T2 ở nhờ cho đến hết đời, không có cho quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà L, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà T1 và bà T2.

** Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng trình tự quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định. Người tham gia tố tụng nguyên đơn, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại Bản án phúc thẩm số 266/2009/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đang có hiệu lực pháp luật giải quyết chia di sản thừa kế của ông Trương Văn C chết để lại thừa 81 được chia cho ông Trương Văn R. Bà T1, bà T2 đồng ý giao kỷ phần của mình cho Ông R, Ông R chết, thừa 81 để thừa kế cho bà Lâm Thị L theo văn bản thỏa thuận phân chia ngày 19/10/2018.

Khi Ông R còn sống có hứa khi trả nợ Ngân hàng xong lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ tách đất cho bà T1, bà T2, có sự chứng kiến của bà Trần Thị Thiệt. Sau khi Ông R chết, Bà L và các con ngày 22/10/2018 cũng có lập tờ cam kết về việc chuyển quyền sử dụng đất cho bà T1 và bà T2. Mặc khác, diện tích đất tranh chấp giữa bà T1 và Bà L có diện tích 204 m², thuộc một phần thửa số 81 có nguồn gốc đất bà T1 mua của ông Sang năm 1988 bằng giấy tay được Bà L thừa nhận. Tại Bản án phúc thẩm số 266/2009/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cũng nhận định phần đất hiện bà T1 tranh chấp là của bà T1, để các bên tự thương lượng không yêu cầu. Bà T1 là người trực tiếp sử dụng đất và cất nhà ở từ năm 1988 đến nay.

Đối với phần đất tranh chấp giữa bà T2 và Bà L diện tích 201 m² thuộc một phần thửa 80 và thửa 81 bà T2 đã cất nhà ở trên đất từ năm 2009. Trong đó có một phần thửa 80, diện tích 31 m² có một phần căn nhà sau của bà T2, có nguồn gốc là của Ông R nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Xương năm 2004, tiếp giáp với thửa 81. Bà T2 cất nhà trước khi Ông R chết. Bà L và các con của Bà L cũng không có ý kiến.

Bà L kháng cáo không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất tranh chấp cho bà T1 và bà T2 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị L, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lâm Thị L được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ông Trương Thái P2 có đơn xét xử vắng mặt, bà Trương Thị T1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Trương Thị B, bà Trương Thị T2 đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung kháng cáo của bà Lâm Thị L: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân thị xã Kiến Tường xét xử đã quyết định: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của bà Trương Thị T1. Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T1 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 đối với phần đất diện tích 204m² thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. 2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T2. Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T2 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T2 đối với phần đất diện tích 201m² thuộc một phần thửa đất số 81, thửa đất số 80 tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà L không đồng ý và kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 và bà Trương Thị T2 đối với đất tranh chấp, chỉ đồng ý cho bà T1 và bà T2 ở hết đời.

[4] Nội dung “Giấy cam kết” ghi ngày 22/10/2018 có nội dung: Bà Lâm Thị L cùng các con là Trương Lâm Quốc D, Trương Lâm Quốc T, Trương Lâm Đăng K, là vợ, con của ông Trương Văn R; cam kết chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 là chị của ông Trương Văn R và bà Trương Thị T2 là em của ông Trương Văn R; do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ và ông Trương Văn R đau bệnh thời gian dài, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng để vay vốn phục vụ sản xuất và buôn bán (do đáo hạn nợ lãi vay lại); sau khi hoàn thành trả nợ ngân hàng, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ đo đạc thực tế, cắm cọc mốc ranh hướng lập thủ tục cắt chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 và Trương Thị T2 theo quy định; cam kết nếu thực hiện sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật; ký tên gồm Lâm Thị L, Lâm Quốc Duy và Lâm Quốc Trí, Trương Lâm Đăng K không có ký tên. “Giấy cam kết” nêu trên chỉ được lập văn bản, không có chứng thực hoặc công chứng. Giấy cam kết này được các bên thừa nhận trước Tòa án là có thật.

[5] Bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 81, tờ bản đồ số 7, xã Tuyên Thạnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 773120 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2018, diện tích 3.477 m², mục đích đất ở tại nông thôn. Bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 80, tờ bản đồ số 7, xã Tuyên Thạnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 870169 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/4/2019, diện tích 2.679 m², đất trồng cây hàng năm khác. Như vậy, khi ký “Giấy cam kết” ghi ngày 22/10/2018, Bà L đã đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa số 81, chưa đứng tên thửa 80, nhưng đến nay thì Bà L đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 80.

[6] Về quá trình sử dụng đất của bà T1 và bà T2: Các bên có lời khai thống nhất, trước đây bà T1 và bà T2 cất nhà ở trên phần đất tranh chấp không ai có ý kiến gì. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2000 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thể hiện: Nhà bà T1 cất năm 1998, kết cấu sàn gỗ sao, mái lợp tole, vách tole, cột bê tông. Ngoài ra trên đất còn có một căn nhà

tạm (nhà để xe) của ông Trương Thái P2, kết cấu mái lợp tole, cột sắt, không che vách, cao khoảng 03 m. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2000 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường: Nhà của bà T2 cất năm 2009, có kết cấu nhà cấp 4, xây tô, nền lót gạch men, có một phần lót gạch tàu, la phong bằng tole, mái lợp tole. Nhà bếp vị trí giáp với nhà chính, vách tole, nền xi măng. Nhà vệ sinh nền gạch men, tường xây, mái tole.

[7] Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà T1 và Bà L, bà T1 khai đất bà T1 mua của ông Nguyễn Văn Sang vào năm 1988 (có làm giấy mua bán viết tay), khi mua không đo đạc, phần đất này có một cạnh tiếp giáp với rạch, một cạnh tiếp giáp đường lộ, phần còn lại tiếp giáp với đất của Ông C (cha bà T1) được cấp vào thửa đất số 81 do Ông C đứng tên, vì giữa bà T1 và Ông C là cha con nên bà T1 vẫn để cho Ông C đứng tên. Điều này cũng được xác định qua phần nhận định của bản án Bản án dân sự phúc thẩm số 266/2009/DS-PT ngày 11/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An với vụ án tranh chấp thừa kế giữa ông Trương Hữu T và Trương Văn R.

[8] Tại Bản án dân sự số 266/2009/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về giải quyết tranh chấp chia di sản thừa kế của ông Trương Văn C chết để lại, trong đó người thừa kế là bà T2 và bà T1 đều đồng ý giao lại phần thừa kế của hai bà cho ông Trương Văn R (chồng Bà L), theo đó Ông R được chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh. Tại phần nhận định Bản án vừa nêu xác định: “Tại phiên tòa, tất cả đương sự đều thống nhất phần đất tại thửa 81 diện tích đo đạc 3.692 m² (bao gồm 360 m² là đất của bà T1, 141 đất rạch), thửa 115 diện tích đo đạc 7.232 m² và thửa 706 diện tích đo đạc 24.885 m² có nguồn gốc là của ông Trương Văn C Các đương sự chỉ tranh chấp quyền sử dụng 03 thửa đất này, không bao gồm phần đất có diện tích 360 m² tại thửa 81 vì thuộc quyền sử dụng của bà T1, để bà T1 và Ông R thương lượng, ...” (Bản án đã dẫn trang 3).

[9] Đoạn khác của Bản án đã nêu nhận định: “Các nguyên đơn đã thống nhất thửa 1111 là thuộc quyền sử dụng của ông Trương Văn R, thửa 1118 là đất gò mả và một phần thửa 81 có diện tích 360 m² thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị T1, 141 m² là đất rạch không tranh chấp. Như vậy di sản của Ông C là thửa 81, diện tích 3.191 m², thửa 706 diện tích 25.390 m² và thửa 1115 diện tích 7.536 m² theo biên bản định giá ngày 17/9/2008 có tổng giá trị là 1.330.834.000 đồng. Do ông Trương Văn C chết không để lại di chúc nên di sản của Ông C được chia theo pháp luật cho các thừa kế của Ông C” (Bản án đã dẫn trang 8). Tại phần quyết định Bản án đã tuyên: “b. Di sản của ông Trương Văn C là thửa 81 diện tích 3.191 m², thửa 706 diện tích 25.390 m² và thửa 1115 diện tích 7.536 m² theo biên bản định giá ngày 17/9/2008 có tổng giá trị là 1.330.834.000 đồng (Bản án đã dẫn trang 9)

[10] Như vậy, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 266/2009/DS-PT ngày 11/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xác định, di sản thừa kế của Ông C tại thửa 81 là không bao gồm phần đất của bà T1 (360 m²), nhưng Ông R sau đó đã được đứng tên toàn bộ thửa số 81 trong đó có phần 360 m² của bà T1.

Bà T1 cho rằng, Ông R hứa sẽ chuyển quyền sử dụng đất cho bà, nhưng đến khi Ông R chết vẫn chưa chuyển, sau này Bà L và các con cũng đồng ý chuyển cho bà được thể hiện qua Bản cam kết ngày 22/10/2018 như đã nêu trên. Lời trình bày của bà T1 phù hợp với giấy sang nhượng đất mà ông Sang sang nhượng cho bà T1 (BL 98), nhận định của Bản án số 266/2009/DS-PT ngày 11/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nêu trên, cũng như thực tế bà T1 đã sử dụng phần đất tranh chấp, xây nhà kiên cố để ở từ năm 1998 cho đến nay mà không có ai có ý kiến tranh chấp gì. Do đó, bà T1 khởi kiện là có cơ sở.

[11] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T2: Bà T2 cho rằng, phần thừa kế mà lẽ ra bà được hưởng, bà đã cho Ông R, sau đó Ông R đã cho bà cất nhà ở trên thửa số 81, hiện nay là gồm một phần của thửa 81 và một phần của thửa 80. Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 266/2009/DS-PT ngày 11/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã nêu thì di sản thừa kế của Ông C gồm tổng diện tích 36.117 m² (gồm 3 thửa: thửa 81 diện tích 3.191 m²; thửa 706 diện tích 25.390 m²; thửa 115, diện tích 7.536 m²), chia cho 6 thừa kế, mỗi suất thừa kế là 6.019,5 m² (riêng thửa 80, mỗi suất thừa kế được hưởng là 531,8 m²), bà T2 và bà T1 được nhận một suất thừa kế nhưng đã đồng ý cho Ông R suất thừa kế của mình. Như vậy, sau khi Bản án đã nêu trên đã tuyên, bà T2 đã cất nhà trên thửa 80 và thửa 81 với tổng diện tích là 201 m² nhưng vẫn được Ông R, vợ và các con Ông R đồng ý và không có ý kiến gì, thể hiện Ông R cho lại phần đất nêu trên để cho bà T2 cất nhà ở. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà T2, vì phần mà bà cất nhà ở hiện nay chỉ có 201 m², là một phần rất nhỏ so với suất thừa kế mà bà đã cho Ông R (một suất thừa kế của bà được hưởng gồm 6.019,5 m², riêng phần thừa kế ở thửa 81 cũng là 531,8 m²); phù hợp với nội dung Bản cam kết ngày 22/10/2018, Bà L và các con của Bà L cam kết chuyển quyền sử dụng đất cho bà T2 phần mà bà T2 đang sử dụng sau khi trả nợ Ngân hàng. Do đó, bà T2 cho rằng khi còn sống, Ông R đã cho bà T2 cất nhà ở trên đất tranh chấp, sau này Bà L là người thừa kế cũng tiếp tục đồng ý cho bà T2 sử dụng là có cơ sở, phù hợp với tình trạng sử dụng đất thực tế của bà T1 và bà T2 cũng như phù hợp với truyền thống đạo đức xã hội.

[12] Về hình thức hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 và thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của bộ tư pháp hướng dẫn về về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì hợp đồng phải được nộp tại Ủy ban nhân dân xã nơi có đất và thực hiện chứng thực theo quy định, hoặc công chứng. Đối với Giấy cam kết nêu trên, Bà L cam kết chuyển quyền sử dụng đất cho bà T1 và bà T2 qua hình thức tặng cho quyền sử dụng đất qua văn bản là Giấy cam kết nhưng không có thực hiện chứng thực hoặc công chứng theo quy định.

[13] Khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức: Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây:

1. Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó; 2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.

[14] Như vậy, trong trường hợp của bà T2, tuy Ông R cho đất bà T2 chỉ bằng lời nói, Bà L chỉ thực hiện bằng giấy cam kết nhưng không có thực hiện chứng thực theo quy định là vi phạm về hình thức của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng Ông R, Bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tặng cho và bà T2 đã sử dụng cất nhà ở trong thực tế từ năm 2009 cho đến nay, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch trên không bị vô hiệu, mà phải được công nhận. Đối với trường hợp của bà T1, bản chất là Bà L trả lại quyền sử dụng đất cho bà T1 vì nguồn gốc là của bà T1, bà T1 đã sử dụng cất nhà từ năm 1998 cho đến nay, nhưng thực hiện chuyển quyền qua hình thức tặng cho quyền sử dụng đất nên cũng tương tự trường hợp của bà T2, giao dịch tặng cho không bị vô hiệu về hình thức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T1 và bà Trương Thị T2 là có cơ sở.

[15] Bà Lâm Thị L kháng cáo, nhưng không đưa ra được cơ sở chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[16] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[17] Về án phí: Bà Lâm Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên Bà L được miễn chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Lưom.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các 129, Điều 457, Điều 459, Điều 500 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Lâm Thị L.

Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T1 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T1 đối với phần đất diện tích 204m² thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, phần đất ký hiệu tại vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2021 được Chi nhánh văn phòng đất đai tại thị xã Kiến Tường duyệt ngày 14/01/2021. Phần đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh quản lý.

Phía Tây tiếp giáp thửa 81 (pcl).

Phía Nam tiếp giáp đường liên xã Tuyên Thạnh- Thạnh Hưng.

Phía Bắc tiếp giáp thửa 81 (pcl).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T2 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Lâm Thị L.

Công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị T2 với bà Lâm Thị L. Buộc bà Lâm Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T2 đối với phần đất diện tích 201m² thuộc một phần thửa đất số 81, thửa đất số 80 tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, ký hiệu tại vị trí khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2021 được Chi nhánh văn phòng đất đai tại thị xã Kiến Tường duyệt ngày 14/01/2021. Phần đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 81 (pcl).

Phía Tây tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn Sĩ.

Phía Nam tiếp giáp đường liên xã Tuyên Thạnh- Thạnh Hưng

Phía Bắc tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn Sĩ.

3. Bà Trương Thị T1, Trương Thị T2, Lâm Thị L có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nếu Bà L gây khó khăn thì bà T2, bà T1 được chủ động liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để làm thủ tục sang tên, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/14379263/HĐBĐ ký ngày 14/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà Lâm Thị L đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại xã Tuyên Thạnh, thị xã

Kiến Tường. Về hậu quả của việc đình chỉ: Thực hiện theo quy định Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị T2, bà Trương Thị T1 chịu 7.538.000 đồng, bà T1 và bà T2 đã nộp xong.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị L được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Văn Uẩn